

Bản án số: 45/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 10/02/2023
V/v tranh chấp “Ly hôn”

NA DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NA DÂN HUYỆN AA - TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Mai.

Các Hội thẩm nA dân:

1. Ông Lê Văn Minh

2. Bà Huỳnh Thị Ngọc Thuận.

- **Đại diện Viện kiểm sát nA dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang** tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Tuyền - Kiểm sát viên.

- **Thư ký phiên tòa:** Cô Đàm Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án nA dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nA dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm vụ án hôn nA và gia đình thụ lý số 802/2022/TLST-HNGĐ ngày 30/11/2022 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 282/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 05/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03/02/2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** **Võ Kim A**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp AB, xã AC, huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện tại: ấp AD, xã AE, huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** **Trương Hoàn B**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp AB, xã AC, huyện AA, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị A, vắng mặt anh B)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai cùng ngày 21/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn **Võ Kim A** trình bày:*

Chị và anh Trương Hoàn B chung sống với nhau vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã AC, huyện AA, tỉnh Tiền Giang, theo giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyền số I/2007 ngày 23/5/2007.

Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 4/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do cả hai không còn tiếng nói chung, không hợp tính tình. Vợ chồng sống ly tã từ tháng 4/2020 đến nay.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị các vấn đề sau:

- Về hôn nA: Chị A yêu cầu được ly hôn với anh B.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thị Huỳnh C, sinh ngày 22/02/2008 và Trương Thanh D, sinh ngày 10/01/2012. Hiện tại, hai con chung đang sống với chị A. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 1.000.000đồng/tháng/con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị A trình bày không có.

** Bị đơn anh Trương Hoàn B vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, mặc dù anh đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải và công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa sơ thẩm, thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ.*

Tại phiên tòa hôm nay:

Chị A vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện đối với anh B.

Anh B vẫn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nA dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang trình bày ý kiến: *Về phần thủ tục*, kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã chấp hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Bị đơn đã không thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ mà pháp luật đã quy định đối với bị đơn.

Về việc giải quyết vụ án, trên cơ sở pA tích các quy định pháp luật, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Trương Hoàn B nhiều lần vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự phiên tòa. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt anh B.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Trên cơ sở yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp “Ly hôn”.

[3] Về hôn nhân:

Chị Võ Kim A và anh Trương Hoàn B xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Ủy ban nhân dân xã AC, huyện AA, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyển số I/2007 ngày 23/5/2007.

Tại phiên tòa, chị A trình bày nguyên nhân xin ly hôn với anh B là do ham mê cờ bạc, gây nợ nần, chủ nợ nhiều lần đến đòi tiền. Cha mẹ anh B và chị A có khuyên anh B nên từ bỏ cờ bạc, lo làm ăn, để cùng chị A lo kinh tế gia đình nhưng anh B không nghe lời khuyên. Trong quá trình chung sống, mọi việc liên quan đến cuộc sống gia đình, con chung do một mình chị A gánh vác. Nhiều lần chị khuyên nhủ anh B sửa đổi theo chiều hướng tốt hơn, nhưng anh không sửa. Do nợ nần, anh B bỏ nhà đi lập nghiệp nơi xa từ năm 2019, cùng thời gian này thì chị cùng hai con ruột về bên ngoại sinh sống từ đó đến nay, anh B không về gặp chị để nói chuyện hàn gắn, anh chỉ có liên hệ qua điện thoại với chị được vài lần để nói chuyện hàn gắn nhưng chị không đồng ý. Chị đã từng nộp đơn xin ly hôn với anh B tại Tòa án nhân dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang vào tháng 12/2020, sau đó đến tháng 3/2021 chị rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện (bút lục 04) để tạo điều kiện cho đôi bên có thời gian giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thể được. Vợ chồng ly hôn từ năm 2019 cho đến nay.

Nay chị không còn tình cảm với anh B, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị kiên quyết xin được ly hôn với anh B.

Về phía anh B, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham dự các phiên hòa giải, công khai chứng cứ, tham dự phiên tòa, nhưng anh nhiều lần vắng mặt và cũng không gửi văn bản phản hồi đối với các yêu cầu khởi kiện

của chị A. Điều đó cho thấy, anh B không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị A.

Qua xác minh tại địa phương, được biết hai anh chị có mâu thuẫn và không còn sống chung với nhau hơn 01 năm nay (bút lục 15).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xét yêu cầu xin được ly hôn anh B của chị A là có cơ sở, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Thị Quỳnh C, sinh ngày 22/02/2008 và Trương Thanh D, sinh ngày 10/01/2012. Xét, từ khi vợ chồng anh chị sống ly thân đến nay, con chung do chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và sống với chị bên nhà ngoại (mẹ chị A). Chị A có nghề nghiệp và thu nhập ổn định; hai con chung có nguyện vọng được sống chung với chị khi cha mẹ ly hôn (bút lục 16 – 20). Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, quyết định tiếp tục giao 02 con chung cho chị A nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành. Sau khi ly hôn, anh B được quyền cũng C có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc 02 con chung theo luật định, mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 15/12/2022 (bút lục 15), nghề nghiệp anh B làm vườn, là người có thu nhập, đối với mức cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/tháng/con mà chị A yêu cầu anh B phải thực hiện, xét thấy phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận với yêu cầu này, buộc anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đồng/tháng/con, thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị A trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nA dân huyện AA, tỉnh Tiền Giang phù hợp với những nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận toàn bộ.

[7] Về án phí: Theo quy định tại điểm a Khoản 5 và điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị A phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, anh B phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Áp dụng điểm a Khoản 5 và a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Võ Kim A.

- Về hôn nhân: Chị Võ Kim A được ly hôn với anh Trương Hoàn B.

- Về con chung: Có 02 con chung tên **Trương Thị Quỳnh C**, sinh ngày 22/02/2008 và **Trương Thanh D**, sinh ngày 10/01/2012. Khi ly hôn, tiếp tục giao 02 con chung cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi trưởng thành.

Sau khi ly hôn, anh B được quyền cũng C có nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc hai con chung theo luật định, mà không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với số tiền 1.000.000đồng/con; bắt đầu thực hiện ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và lao động được.

Kể từ ngày chị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh B chậm thi hành khoản tiền trên thì anh phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

2/ Về án phí: Chị A phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào 300.000đồng tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0021171 ngày 29/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện AA, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị A đã nộp xong án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Anh B phải chịu 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

3/ Quyền kháng cáo: Chị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND H. AA;
- Chi cục THADS H. AA;
- UBND xã AC, H. AA;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

HUỲNH THỊ TRÚC MAI